TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 105/2025/DS-ST Ngày: 16 – 9 - 2025 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hóa

2. Ông Nguyễn Phước Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bích Trăm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ *tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2025/TL.ST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1973; Căn cước công dân số: 093173000510; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tâm L, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: 15/5, ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị T1, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt, bà Võ Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phạm Thị Kim T trình bày như sau:

Từ năm 2018 đến đầu năm 2019, tôi có cho bà Nguyễn Thị Tâm L vay tiền nhiều lần với tổng số tiền 372.000.000 đồng (trong đó khoản tiền bà Võ Thị T1 vay giùm bà L là 170.000.000 đồng), vay trả góp trong vòng 02 tháng hoặc 05 tháng, vay 55.000.000 đồng thì trả 60.000.000 đồng trong thời hạn 02 tháng, còn vay 65.000.000 đồng thì trả 75.000.000 đồng trong thời hạn 05 tháng; do có mối quan hệ bà con nên không có làm giấy tờ, tôi chỉ lập sổ theo dõi. Đối với những khoản nợ trên, bà L có trả một phần, còn nợ số tiền 345.000.000 đồng thì bà L bể nợ, không trả nữa. Đến năm 2023 bà L trở về địa phương, có trả dần nhiều lần với tổng số tiền 43.500.000 đồng, tính đến ngày 19/7/2024 bà L còn nợ tôi số tiền là 301.500.000 đồng đến nay chưa trả. Nay tôi yêu cầu bà L phải trả lại số tiền 301.500.000 đồng nợ gốc và tiền lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 19/7/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, bà T rút yêu cầu bà L trả số tiền lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị Tâm L trình bày: Trước đây tôi có vay bà T 2 dây tiền góp 63.000.000 đồng, góp ra 75.000.000 đồng, trong vòng 5 tháng và 03 dây tiền góp 55.000.000 đồng, góp ra 60.000.000 đồng, góp trong vòng 2 tháng. Tổng cộng số tiền của 05 dây tiền góp trên là 330.000.000 đồng. Việc vay tiền tôi và bà T chỉ thỏa thuận miệng không lập giấy tờ. Tôi góp cho bà T đến tháng 9/2019 thì tôi bể nợ nên không có khả năng góp cho T nữa, còn thiếu lại bà T 202.000.000 đồng. Đến năm 2023 tôi góp thêm cho bà T 43.500.000 đồng nữa, vậy đến hiện tại tôi còn nợ lại bà T 158.500.000 đồng. Các lần góp trên chị T có lập sổ theo dõi, tôi không có giữ sổ mà bà T giữ. Lúc trước tôi và bà T có hòa giải tại Tòa án, tôi đồng ý thừa nhận số tiền tôi còn nợ bà T cả gốc và lãi là 301.500.000 đồng với điều kiện chị T cho tôi góp 1.500.000 đồng/tháng, nhưng bà T không đồng ý và yêu cầu tôi phải trả tiền lãi cho bà T từ ngày 19/7/2024 đến nay nên tôi không đồng ý. Nay tôi tính lại tôi chỉ còn nợ lại bà T 158.500.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T tôi không đồng ý, tôi chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 158.000.000 đồng, mỗi tháng trả 1.500.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ, không đồng ý trả số tiền lãi. Tại phiên tòa bà L đồng ý trả cho bà T số tiền còn nợ là 301.500.000 đồng.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/6/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T1 trình bày: Tôi là chị dâu của bà Phạm Thị Kim T và bà Nguyễn Thị Tâm L. Tôi có mượn của bà T số tiền 55.000.000 đồng, trả góp trong vòng 02 tháng số tiền là 60.000.000 đồng và tôi đã trả hết nợ. Bà T cho rằng tôi vay 170.000.000 đồng giùm bà L là không có. Số tiền 301.500.000 đồng mà bà L đồng ý trả cho bà T trong Biên bản hòa giải ngày 08/01/2025 là tiền gốc và lãi cộng gộp lại, số tiền này không liên quan đến số tiền tôi mượn của bà T. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt tôi trong tất cả các giai đoạn tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất, công nhận sự thỏa thuận của bà T và bà L, theo đó bà L có trách nhiệm trả cho bà T số tiền còn nợ là 301.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị Tâm L yêu cầu trả lại số tiền vay và lãi. Xét khởi kiện của nguyên đơn, đối chiếu quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025 thì đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ).

[1.2] Tại phiên tòa, bà Võ Thị T1 vắng mặt có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Bà Phạm Thị Kim T yêu cầu bà Nguyễn Thị Tâm L trả số tiền vay là 301.500.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà T là thừa nhận của bà L tại Biên bản hòa giải ngày 18/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Tuy nhiên, bà L cho rằng số tiền 301.500.000 đồng bà L thừa nhận nợ tại Biên bản hòa giải ngày 18/01/2025 bao gồm cả gốc và lãi. Bà L cho rằng bà có vay tiền của bà T 05 lần với số tiền 330.000.000 đồng, vay trả góp trong vòng 02 tháng hoặc 05 tháng. Bà L trả góp đến năm 2019 do bể nợ nên không có khả năng trả, còn nợ lại số tiền 202.000.000 đồng. Đến năm 2023 bà L tiếp tục trả góp thêm 43.500.000 đồng nên chỉ còn nợ bà T số tiền 158.500.000 đồng.

[2.2] Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án trước đây tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2024

và Biên bản hòa giải ngày 08/01/2024, bà L khai vào năm 2018 có vay của bà T nhiều lần với số tiền hơn 400.000.000 đồng, đã trả nhiều lần còn nợ lại 345.000.000 đồng thì bể nợ. Sau đó có trả thêm nhiều lần tính đến ngày 03/7/2024 được số tiền 43.500.000 đồng nên còn nợ lại 301.500.000 đồng. Vì vậy, có căn cứ kết luận bà L còn nợ bà T số tiền 301.500.000 đồng.

[2.3] Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất khoản nợ bà L có trách nhiệm trả cho bà T là 301.500.000 đồng là phù hợp nên ghi nhận. Về lãi suất bà T rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử.

[2.4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà L có trách nhiệm trả cho bà T số tiền còn nợ là 301.500.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị đơn Nguyễn Thị Tâm L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 15.075.000 đồng.

[6] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

- Các Điều 463, 466, 468, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim T đối với bà Nguyễn Thị Tâm L đối với yêu cầu trả số tiền còn nợ theo hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Tâm L có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Kim T số tiền là 301.500.000 (ba trăm lẻ một triệu năm trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim T yêu cầu bà Nguyễn Thị Tâm L trả lãi suất đối với khoản nợ 301.500.000 đồng.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Tâm L phải chịu 15.075.000 (mười lăm triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Kim T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 8.100.550 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005182 ngày 29/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Võ Thị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.Cần Thơ;
- VKSND khu vực 14 – Cần Thơ;
- THA dân sự TP. Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hồng Thanh